TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/DS - ST
Ngày: 06-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiển.
2. Bà Phan Thị Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc*"tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2017/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1969; địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh K; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh K; có mặt.

2. Bà Đặng Kim A, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà Đặng Kim A có hỏi vay tiền của bà nhiều lần. Đến ngày 04/02/2017, bà và bà A có tính sổ lại thì bà A thừa nhận có nợ bà số tiền là 12.800.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/6/2015 đến ngày 04/02/2017 là 20 tháng x

6%/tháng x 12.800.000 đồng bằng 15.360.000 đồng, tổng vốn và lãi là 28.160.000 đồng và bà A có làm biên nhận cho bà. Ngoài ra, bà A còn mượn bà tiền mua lưới là 1.800.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà A, ông Lê Văn C trả tiền hỏi vay vốn và lãi là 28.160.000 đồng và tiền mượn là 1.800.000 đồng, tổng cộng là 29.960.000 đồng và lãi suất theo pháp luật từ ngày 04/02/2017 cho đến ngày xét xử.

Tại các lời khai tại Tòa án, Bị đơn bà Đặng Kim A trình bày: Ngày 05/3/2012, bà có hỏi vay của bà Trần Thị T số tiền là 1.500.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, không có làm biên nhận. Ngày 13/4/2012, bà hỏi vay thêm 2.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, không có làm biên nhận. Trong quá trình hỏi vay chồng bà là ông Lê Văn C có làm công là sên đìa cho bà T để trả tiền lãi là 1.840.000 đồng. Sau đó, bà không có đóng lãi nên đến ngày 04/6/2015 chồng bà viết biên nhận cho bà T với số tiền vốn và lãi là 14.000.000 đồng, việc chồng bà viết biên nhận bà không biết. Sau đó, ngày 04/02/2017 bà có viết 1 biên nhận cho bà T thỏa thuận tiền vay kết toán là 12.800.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/6/2015 đến ngày 04/02/2017, lãi suất 6% là 15.360.000 đồng, tổng cộng là 28.160.000 đồng. Ngoài ra, bà T thừa nhận có mượn tiền mua lưới là 1.800.000 đồng. Nay thống nhất trả tiền vay là 12.800.000 đồng, còn tiền lãi bà không thống nhất trả vì lãi suất quá cao nên yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 04/6/2015 cho đến ngày xét xử.

Tại các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Lê Văn C trình bày: Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà Kim A, không bổ sung gì thêm.

Về nội dung vụ án các bên đã thống nhất: Vợ chồng bà Kim A, ông C có vay của bà T nhiều lần. Đến ngày 04/02/2017, hai bên có kết nợ lại bà Kim A còn nợ bà T tính đến ngày 04/6/2015 số tiền là 12.800.000 đồng và có thỏa thuận lãi 6% từ ngày 04/6/2015 đến ngày 04/02/2017 là 15.360.000 đồng. Ngoài ra, bà Kim A còn nợ bà T số tiền 1.800.000 đồng.

Các bên không thống nhất: Bà Kim A không thống nhất trả số tiền lãi từ ngày 04/6/2015 cho đến ngày 04/02/2017 với lãi suất 6% là 15.360.000 đồng và không thống nhất trả tiền lãi đối với số tiền 1.800.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự do bị đơn đã thống nhất thừa nhận số tiền vay tính đến ngày 04/6/2015 là 12.800.000

đồng và có viết biên nhận. Do lãi suất từ ngày 04/6/2015 đến ngày 04/02/2017 là cao so với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 476 của Bộ luật dân sự và Quyết định số 2686/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để điều chỉnh lãi suất là 9%/năm đối với số tiền 12.800.000 đồng. Còn đối với số tiền 1.800.000 đồng, do các bên không có thỏa thuận tính lãi đồng thời không có thỏa thuận thời gian trả nên vợ chồng bà Kim A không vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền vì vậy không phải chịu tiền lãi đối với số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Trần Thị T và vợ chồng bà Đặng Kim A, ông Lê Văn C là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu bà T trả số tiền vay là 29.960.000 đồng và lãi suất theo pháp luật kể từ ngày 04/02/2017 cho đến ngày xét xử.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 04/02/2017, bà T và vợ chồng bà Kim A, ông C đã kết nợ là vợ chồng bà Kim A còn nợ tiền vay của bà T là 12.800.000 đồng tính đến ngày 04/6/2015 và có thỏa thuận lãi suất từ ngày 04/6/2015 đến ngày 04/02/2017 là 6 phân (6%) một tháng, tính 20 tháng là 15.360.000 đồng, tổng cộng là 28.360.000 đồng và tiền mượn là 1.800.000 đồng. Sự việc được các bên thừa nhận nên HĐXX căn cứ Điều 92 *(quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh)* của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật. Hai bên chỉ không thống nhất về lãi suất vay từ ngày 04/6/2015 cho đến ngày xét xử.

[3] Xét thấy: Tại Biên nhận theo các bên thống nhất bà Kim A viết cho bà T vào ngày 04/02/2017 có thỏa thuận lãi suất từ ngày 04/6/2015 đến ngày 04/02/2017 là 6 phân (6%) một tháng. Tuy nhiên, nay do phía bị đơn không thống nhất và do thỏa thuận lãi suất giữa các bên cao so với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cần phải điều chỉnh lãi suất, cụ thể như sau: Từ ngày 04/6/2015 đến ngày xét xử (08/9/2017) là 27 tháng 04 ngày. Như vậy, số nợ vay là 12.800.000 đồng x 0,75% /tháng x (27 tháng + 04/30 ngày) = 2.604.000 đồng.Tổng cộng vốn và lãi là: 12.800.000 đồng + 2.604.000 đồng = 15.404.000 đồng.

[4] Ngoài ra, bà T còn yêu cầu vợ chồng bà Kim A trả số tiền đã mượn là 1.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 04/02/2017 cho đến ngày xét xử. Thấy rằng việc bà T có cho bà Kim A mượn tiền nhưng không có thỏa thuận tính lãi đồng thời không có thỏa thuận thời gian trả nên vợ chồng bà Kim A không vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền vì vậy không phải chịu tiền lãi mà chỉ phải trả lại số tiền là 1.800.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Nay bà T yêu cầu trả số tiền, vợ chồng bà Kim A thống nhất trả nên HĐXX ghi nhận.

[5]Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận một phần yêu cầu của bà T là 15.404.000 đồng và 1.800.000 đồng, tổng cộng 17.204.000 đồng đồng thời bác một phần yêu cầu của bà T là 12.756.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Kim A, ông C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là: 17.204.000 đồng x 5% = 860.200 đồng.

Bà T phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là: 12.756.000 đồng x 5% = 637.800 đồng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng số 0004284 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận số tiền 749.000 đồng, bà T được nhận lại 111.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc *"tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*" với vợ chồng bà Đặng Kim A, ông Lê Văn C.

Buộc vợ chồng bà Đặng Kim A, ông Lê Văn C trả cho bà T số tiền là 17.204.000 đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu vợ chồng bà Kim A, ông C không trả thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2- Bác một phần yêu càu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc *"tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*" với vợ chồng bà Đặng Kim A, ông Lê Văn C đối với số tiền là 12.756.000 đồng.

3- Án phí sơ thẩm:

Bị đơn bà Đặng Kim A, ông Lê Văn C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là 860.200 đồng.

Bà Trần Thị T phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 637.800 đồng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng số 0004284 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận số tiền 749.000 đồng, bà T được nhận lại 111.200 đồng.

4- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm

.